TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2022/DS-PT
Ngày 15-11-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa*:* Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Thôn 15, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Nông Văn Nhâm, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.
Bị đơn: Anh Huỳnh Nhựt L, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Bon M, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – có mặt.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Lương Thị Thúy K, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Bon M, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – có mặt.
Người kháng cáo: Anh Huỳnh Nhựt L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị N và vợ chồng anh L có mối quan hệ quan biết do làm ăn. Ngày 19/01/2020 vợ chồng anh L có vay số tiền 70.450.000 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và hẹn thanh toán trong vòng 03 ngày. Hai bên có viết giấy tay và không thỏa thuận gì về lãi suất. Số tiền chị N cho vợ chồng anh L vay là tài sản riêng của chị N. Khi đến thời hạn thanh toán thì vợ chồng anh L không thanh toán cho chị N như đã thỏa thuận mặc dù đã hối thúc nhiều lần. Vì vậy, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Huỳnh Nhựt L phải trả cho chị N số tiền 70.450.000 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn anh Huỳnh Nhựt L trình bày:

Anh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N vì anh L cho rằng mình không vay tiền của chị N. Vào năm 2020 anh L và vợ không còn làm ăn với chị N nên không thể có chuyện chị N cho vay tiền nữa, nếu cho vay thì chị N luôn yêu cầu chữ ký của hai vợ chồng. Vì vậy, anh L khẳng định chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 19/01/2020 không phải của anh L. Do dó, anh L không đồng ý trả tiền cho chị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Thúy K trình bày:

Chị K đồng ý với ý kiến của anh L (chồng chị), không bổ sung gì thêm. Trường hợp giám định chữ ký đúng là chữ ký của anh L thì chị K sẽ có trách nhiệm thanh toán cùng anh L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 158; khoản 2 Điều 161; Điều 147; Điều 184; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

Buộc anh Huỳnh Nhựt L và chị Lương Thị Thúy K phải trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc là 70.450.000 đồng (*Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 9 năm 2022 bị đơn anh Huỳnh Nhựt L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Huỳnh Nhựt L giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Nhựt L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Huỳnh Nhựt L làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Nhựt L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn cung cấp giấy vay tiền với nội dung: Anh L có vay của chị N số tiền 70.450.000 đồng (*Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), hẹn 03 ngày trả đủ tiền và có chữ ký của anh Huỳnh Nhựt L. Do đó, giấy vay tiền là chứng cứ của vụ án và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2.2]. Về số tiền cho vay: Chị N có cho anh L vay 70.450.000 đồng và cung cấp giấy vay tiền vào ngày 19/01/2020 có chữ ký của anh Huỳnh Nhựt L. Ngoài ra, còn cung cấp giấy tờ thể hiện rất nhiều lần anh L có vay tiền của chị N, mỗi lần vay đều ký tên Huỳnh Nhựt L phía dưới. Anh L không thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của anh và khẳng định anh không vay số tiền 70.450.000 đồng của chị N. Tuy nhiên, tại kết luận giám định số Kết luận số 197/KL-KTHS ngày 19/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông thể hiện: Chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Nhựt L dưới phần nội dung trên tờ giấy kẻ ô vuông có các chữ viết bắt đầu "Ngày 19/01/2020…" và các chữ kết thúc "…Hẹn 3 ngày trả đủ tiền" (được đánh số bút lục 50) (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Huỳnh Nhựt L trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) là do cùng một người ký, viết ra. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, có căn cứ để khẳng định việc anh L vay tiền và ký tên trong giấy vay tiền đề ngày 19/01/2020 của chị N là có thật và số tiền chị N cho anh L vay là 70.450.000 đồng. Chị Lương Thị Thúy K là vợ của anh L cho rằng trong trường hợp giám định chữ ký đúng là chữ ký của anh L thì chị K sẽ có trách nhiệm thanh toán cùng anh L. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh L và chị K phải trả số nợ vay 70.450.000 đồng cho chị N là có căn cứ.

[2.3] Giấy vay tiền thời hạn trả tiền là 03 ngày kể từ ngày 19/01/2020 tuy nhiên đến hạn trả nợ chị N đòi nhiều lần nhưng anh L không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của BLDS năm 2015.

[2.4].Về số tiền lãi: Căn cứ giấy vay tiền ngày 19/01/2020 thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi suất, do đó Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Nhựt L; xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tại phiên tòa là phù hợp, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Tại cấp phúc thẩm anh L, chị K có đơn xin miễn án phí, cung cấp giấy tờ hộ nghèo. Do đó, miễn toàn bộ án phí cho anh L và chị K theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Nhựt L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 158; khoản 2 Điều 161; Điều 147; Điều 184; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

Buộc anh Huỳnh Nhựt L và chị Lương Thị Thúy K phải trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc là 70.450.000 đồng (*Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Huỳnh Nhựt L và chị Lương Thị Thúy K phải chịu 9.880.000 đồng, số tiền này chị N đã nộp tạm ứng do đó anh L và chị K phải hoàn trả lại cho chị N.

3.Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí cho anh Huỳnh Nhựt L và chị Lương Thị Thúy K. Hoàn trả cho anh Huỳnh Nhựt L 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002308 ngày 27/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Chương